

Bố Trạch, ngày 07 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu:
Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh
năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch,
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất
phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025
của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch,
thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất
phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025
của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BỐ TRẠCH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ - CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế ; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế ;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình (Khóa XVIII, kỳ họp thứ 8) về việc Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2006 của UBND Tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Bệnh viện đa khoa huyện;

Căn cứ Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-BVĐK ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT gói thầu Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch của Tổ xét thầu ngày 31 tháng 10 năm 2024;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu gói thầu Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch;

Căn cứ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch của tổ xét thầu ngày 05 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch của Tổ thẩm định ngày 06 tháng 11 năm 2024.

Xét đề nghị của Bộ phận Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Tên dự toán mua sắm: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch;

2. Tên gói thầu: Mua sắm sinh phẩm, vi sinh, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch;

3. Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình:

- Địa chỉ: Số 46, đường Hữu Nghị, phường Bắc Lý, tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Giá trị trúng thầu: 1.657.470.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn). Bao gồm thuế và mọi chi phí có liên quan khác.

(Danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo).

5. Nguồn vốn: Nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của bệnh viện năm 2024 và 2025.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

7. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Bộ phận Đấu thầu căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ phận Đầu thầu, các phòng chức năng có liên quan và Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



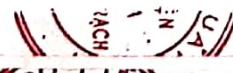
Nguyễn Tất Thắng

16
NH VI
ĐA KHO
NBỐT
★

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả LCNT số: 2561/QĐ-BVĐK ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Bồ Trách và Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình)

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	SINH PHẨM													
1	Test nhanh phát hiện các chất gây nghiện (MET/ THC/ MDMA/ MOP)	Quick Test DOA Multi 4 Drug (MDMA-THC-MET-MOP)	Test	Hộp 15 test	TDOA02A M	Công ty CP sản xuất kinh doanh sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ	Việt Nam	Công ty CP sản xuất kinh doanh sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ- Việt Nam	2023 trở về sau	190001164/PCBA-HCM	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: ≥ 99,8%. Độ đặc hiệu: ≥ 99,6%	4.000	50.000	200.000.000
2	Thuốc thử chẩn đoán kháng thể kháng liên cầu	Anti Streptolysin O Visilatest Reagent	Hộp	100 test	LATASOI	Prestige Diagnostics UK Limited	Anh	Prestige Diagnostics UK Limited-Anh	2023 trở về sau	220003852/PCBB-HN	Xét nghiệm định tính và bán định lượng chất kháng streptolysin (ASO) trong huyết thanh người.	1	850.000	850.000
3	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	HBsAg One Step Hepatitis B Surface Antigen Test Device (Serum/Plasma)	Test	Hộp 40 test	IHBsg-302	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	2300553Đ KLH/BYT-HTTB	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	500	11.000	5.500.000
4	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	HCV Hepatitis C Virus Rapid Test Device (Serum/Plasma)	Test	Hộp 40 test	IHC-302	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	2300561Đ KLH/BYT-HTTB	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người.	250	19.000	4.750.000
5	Khay thử xét nghiệm định tính phân biệt kháng thể kháng virus HIV-1 và HIV-2	HIV 1/2 Human Immunodeficiency Virus Rapid Test Device (Whole Blood/Serum/Plasma)	Test	Hộp 40 test	IHI-402	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	Abon Biopharm (Hangzhou) Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	2300165Đ KLH/BYT-TB-CT	Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Độ nhạy: 99,9%; Độ đặc hiệu: 99,6%	500	22.680	11.340.000



	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
6	Que thử xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Urodip 11P	Hộp	Hộp / lọ 100 test	315-470	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220000711/PCBB-HN	Que thử xét nghiệm bán định lượng acid ascorbic, bạch cầu, keton, nitrit, urobilinogen, bilirubin, protein, glucose, trọng lượng riêng, máu và pH trong nước tiểu.	240	872.000	209.280.000
7	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Urinalysis Reagent Strips (10 parameters)	Hộp	Lọ 100 que	U031-101	Acon Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	Acon Laboratories, Inc-Mỹ	2023 trở về sau	220001520/PCBB-BYT	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose.	10	170.000	1.700.000
VI SINH														
8	Khoanh kháng sinh Amoxicilin 10µg (Ax)	Amoxicilin 10µg (Ax)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI043AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Amoxicillin 10µg. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	82.000	82.000
9	Khoanh kháng sinh Azithromycin 15µg (Az)	Azithromycin 15µg (Az)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI023AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Azithromycin 15µg. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	70.000	70.000
10	Canh thang BHI	BHI Broth - 5ml	Tuýp	Hộp 10tube x5ml	MI005ER	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001896/PCBA-HCM	Môi trường tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. Quy cách: Hộp (10tube x5ml)	20	58.500	1.170.000
11	Khoanh kháng sinh Cephalixin 30µg (Cp)	Cephalixin 30 µg (Cp)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI005AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Cephalixin 30 µg. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	82.000	82.000



STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
12	Khoanh kháng sinh Cloramphenicol 30 μ g (Cl)	Cloramphenicol 30 μ g (Cl)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI025AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Cloramphenicol 30 μ g. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	70.000	70.000
13	Khoanh kháng sinh Clarithromycin 15 μ g (Ch)	Clarithromycin 15 μ g (Ch)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI051AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Clarithromycin 15 μ g. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	70.000	70.000
14	Khoanh kháng sinh Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10 μ g (Ac)	Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10 μ g (Ac)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI004AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Amoxicillin / Clavulanic acid 20/10 μ g. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	82.000	82.000
15	Đỏ methyl (methylred)	Methyl red (MR)	Lọ	Lọ 2 ml	MI012BR	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180002048/PCBA-HCM	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (MR-VP) để thực hiện thử nghiệm Methyl red (MR). Quy cách: Lọ 2 ml	10	20.000	200.000
16	Khoanh kháng sinh Gentamicin 10 μ g (Gc)	Gentamicin 10 μ g (Gc)	Lọ	Lọ 50 đĩa	MI019AB	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001891/PCBA-HCM	Đĩa kháng sinh Gentamicin 10 μ g. Quy cách: Lọ 50 đĩa	1	82.000	82.000
17	Dung dịch Giemsa	Giemsa 500ml	Chai	Chai 500ml	MI005ST	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001893/PCBA-HCM	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa. Quy cách: Chai 500ml	1	1.300.000	1.300.000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
18	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc.	Kliggler Iron Agar (KIA)	Tuýp	Túi 10 tube	MI001MT	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180002046/PCBA-HCM	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Quy cách: Túi 10 tube	10	14.000	140.000
19	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc.	Mac Conkey Agar (MC 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI018AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose. Quy cách: Hộp 10 cái	10	19.500	195.000
20	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella.	Samonella Shigella Agar (SS 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI019AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose. Quy cách: Hộp 10 cái	10	19.500	195.000
21	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc.	Thạch nâu (CAXV 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI012AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc. Quy cách: Hộp 10 cái	10	39.000	390.000
22	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm	Sabourau Dextrose Agar (SAB 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI029AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm. Quy cách: Hộp 10 cái	10	19.500	195.000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
23	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn để mọc	Nutrien agar (NA 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI024AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn để mọc. Quy cách: Hộp 10 cái	10	19.500	195.000
24	Môi trường nuôi cấy phân biệt	Thạch máu (BA 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI001AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , g) của Streptococcus. Quy cách: Hộp 10 cái	10	27.000	270.000
25	Môi trường nuôi cấy và bảo quản	Nutrient Agar nghiêng (NA nghiêng)	Lọ	Hộp 10 lọ	MI002CM	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001897/PCBA-HCM	Môi trường dùng để nuôi cấy và bảo quản vi khuẩn để mọc trong điều kiện 2 – 8 độ C với thời gian tối đa 15 ngày. Quy cách: Hộp 10 lọ	10	37.500	375.000
26	Môi trường phát hiện khả năng biến dưỡng	Simon Citrate Agar	Lọ	Hộp 10 lọ	MI010MT	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180002046/PCBA-HCM	Môi trường dùng để phát hiện khả năng biến dưỡng citrate. Quy cách: Hộp 10 lọ	10	9.000	90.000
27	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động.	Motility Indol Urease (MIU)	Lọ	Hộp 10 lọ	MI003MT	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180002046/PCBA-HCM	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động. Quy cách: Hộp 10 lọ	10	9.000	90.000
28	Môi trường thực hiện kháng sinh đồ	Mueller Hinton Agar (MHA 90mm)	Cái	Hộp /10 cái	MI039AP	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001889/PCBA-HCM	Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn để mọc. Quy cách: Hộp 10 cái	10	19.500	195.000

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
29	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer.	Methyl red - Voges Proskauer (MR-VP)	Lọ	Hộp 10 lọ	MI011MT	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180002046/PCBA-HCM	Môi trường dùng để thực hiện thử nghiệm Methyl red và Voges Proskauer. Quy cách: Hộp 10 lọ	10	9.000	90.000
30	Dung dịch nhuộm xanh methylen	Methylen blue 500ml	Chai	Chai 500ml	MI014ST	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001893/PCBA-HCM	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Quy cách: Chai 500ml	1	620.000	620.000
31	Carbon Fuchsin 500mL	Carbon Fuchsin 500ml	Chai	Chai 500ml	MI010ST	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa	Việt Nam	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa-Việt Nam	2023 trở về sau	180001893/PCBA-HCM	Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Quy cách: Chai 500ml	2	620.000	1.240.000
III HUYẾT HỌC														
32	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Lysoglobulin Diff lyse 3	Chai	1 Lit	315-724	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220000338/PCBB-HIN	Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0%. Quy cách: 1 Lit	67	3.515.000	235.505.000
33	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Lysoglobulin Diff lyse 5	Chai	500ml	315-725	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220000338/PCBB-HIN	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7%. Quy cách: 500ml	37	3.500.000	129.500.000
34	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	Lysoglobulin HGB	Chai	500ml	315-723	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220000338/PCBB-HIN	Thành phần chính: Detergent < 4.0% Buffer < 1.0%. Quy cách: 500ml	37	3.450.000	127.650.000

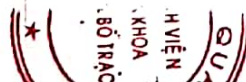
STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	ĐVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
35	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	HemoDiL SHX	Thùng	20 lít	315-960	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	210000539/PCBA-HN	"Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016"	69	3.250.000	224.250.000
36	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Pro-Clean	Lọ	50ml	315-456	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220003349/PCBA-HN	Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% Quy cách: 50ml	16	1.750.000	28.000.000
IV HÓA CHẤT ĐIỆN GIẢI														
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	ISE Fluid pack (Na, K, Cl, Ca, pH)	Hộp	Cal A: 650ml Cal B: 200ml	204-122V	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220000318/PCBB-HN	Thành phần: Ammonium molybdate, Sulphuric acid, Hydrochloric acid. Quy cách: (Cal A: 650ml+ Cal B: 200ml)	5	8.500.000	42.500.000
38	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	Probe cleaning solution	Hộp	10x5ml	204-131V4	MTI Diagnostics GmbH	Đức	MTI Diagnostics GmbH-Đức	2023 trở về sau	220002625/PCBA-HN	Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5%. Quy cách: (10x5ml)	1	2.153.000	2.153.000
V HÓA CHẤT MIỄN DỊCH														
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine	T3 CLIA Microparticles	Hộp	100 Test	CME0102	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	220001730/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	8	3.360.000	26.880.000
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine	T4 CLIA Microparticles	Hộp	100 Test	CME0202	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	220001731/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	8	3.360.000	26.880.000
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH (thyroid stimulating hormone)	TSH CLIA Microparticles	Hộp	100 test	CME0302	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	220001476/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	2	3.350.000	6.700.000
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do	FT3 CLIA Microparticles	Hộp	100 test	CME0402	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	220001477/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3 (triiodothyronine tự do) trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	8	3.350.000	26.800.000



Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do	FT4 CLIA Microparticles	Hộp	100 test	CME0502	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	220001473/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4 (thyroxine tự do) trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	8	3.500.000	28.000.000
Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -Human Chorionic Gonadotropin tự do	β -HCG CLIA Microparticles	Hộp	100 test	CMN0302	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	240001890/PCBB-HN	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -hCG trong huyết thanh người. Quy cách: 100test	2	4.275.000	8.550.000
Hóa chất phát quang hóa học trong xét nghiệm miễn dịch	Chemiluminescent Substrate	Hộp	110ml x 2sets	CMO0101	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	210000537/PCBA-HN	Chất nền phát quang hóa học Quy cách: (110mlx2sets)	2	7.299.000	14.598.000
Nước rửa hệ thống xét nghiệm miễn dịch	Wash Buffer	Hộp	4x500ml	CMO0301	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	210000537/PCBA-HN	Thành phần chính: Phosphate buffer Quy cách: (4x500ml)	2	4.900.000	9.800.000
Dung dịch pha loãng mẫu cho máy miễn dịch	Diluent Universal	Hộp	4x250ml	CMO0201	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	210000537/PCBA-HN	Thành phần chính: Tris-HCl buffer with 0.5% casein Quy cách: (4x250ml)	2	4.900.000	9.800.000
Cồng phản ứng dùng cho máy miễn dịch	Reaction vessel	Hộp	1000 pcs	CMO0601	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	Phụ kiện sử dụng cùng TTBYT	Cồng phản ứng Quy cách: ≥ 1000 pcs	5	2.562.000	12.810.000
Dung dịch rửa cho máy miễn dịch	System wash	Hộp	12x25ml	CMO0401	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd- Trung Quốc	2023 trở về sau	210000537/PCBA-HN	Thành phần chính: Sodium Hydroxide	2	8.430.000	16.860.000
HÓA CHẤT RĂNG													
Acid dùng trong trám răng	Actino Gel	Lọ	Tuýp/5ml	Actino gel	Prevest Denpro Limited	Ấn Độ	Prevest Denpro Limited-Ấn Độ	2023 trở về sau	220000124/PCBA-HCM	Gel nhốt chứa 37% axit phosphoric để khắc men răng và ổn định ngà răng hoặc bề mặt composite trước khi dán. Quy cách: Tube 5ml	10	104.000	1.040.000
Vật liệu trám bít ống tủy	AH 26 silverfree - Export Refill	Hộp	Hộp gồm: 8g bột, 10g nước	60621103	Dentsply De Trey GmbH	Đức	Dentsply De Trey GmbH- Đức	2023 trở về sau	220002126/PCBB-HCM	Vật liệu trám bít ống tủy răng, điều trị nội nha. Quy cách: Hộp (8g bột, 10g nước)	5	950.000	4.750.000



STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
52	Vật liệu trám tạm	Xi măng hàn răng Ceivitron	Lọ	Lọ 30g	CEIVITRON	Reco-Dent International Co.Ltd	Đài Loan	Reco-Dent International Co.Ltd-Đài Loan	2023 trở về sau	240001629/PCBB-HCM	Dùng để trám lót trước khi trám hoàn tất. Quy cách: Lọ 30g	15	110.000	1.650.000
53	Vật liệu trám răng Composite đặc	Vật liệu trám răng Mani Micro A2; A3; A3,5	Ống	Túi 1 cái 4g	435083; 435084; 435085	MANI MEDICAL GERMANY GmbH	Đức	MANI MEDICAL GERMANY GmbH-Đức	2023 trở về sau	240000002/PCBB-TNg	Là loại composite lai quang trùng hợp sử dụng trong trám bột răng. Sử dụng phục hồi trực tiếp các xoang răng loại I II III IV V vùng răng cửa răng hàm. Quy cách: (túi 1 cái 4g)	300	480.000	144.000.000
54	Vật liệu trám răng Composite lỏng	Vật liệu trám răng (Mani Flo-V A2; A3; A3,5)	Ống	Túi 1 cái 2g	435077; 435078; 435079	MANI MEDICAL GERMANY GmbH	Đức	MANI MEDICAL GERMANY GmbH-Đức	2023 trở về sau	240000002/PCBB-TNg	Composite lỏng quang trùng hợp, có tính cân xạ cao, độ nhớt cao. Quy cách: (túi 1 cái 2g)	50	370.000	18.500.000
55	Gel làm mòn men răng trước khi trám răng	Prime Dent Etchant Gel	Ống	Ống 5g, gói 5 ống	Prime Dent Etchant Gel	PRIME DENTAL MANUFACTURING, INC	Mỹ	PRIME DENTAL MANUFACTURING, INC-Mỹ	2023 trở về sau	180001395/PCBA-HCM	Là loại chế phẩm gel dùng để làm mòn men răng trong quá trình thực hành điều trị nha khoa. Quy cách: Ống 5g, gói 5 ống	15	80.000	1.200.000
56	Vật liệu trám răng có thành phần Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm tạo thành xi măng tạm thời	Eugenol 30ml	Lọ	Lọ/30ml	Eugenol	Prevest Denpro Limited	Ấn Độ	Prevest Denpro Limited-Ấn Độ	2023 trở về sau	220001743/PCBB-HCM	Thành phần: Dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm tạo thành xi măng tạm thời. Quy cách: Lọ 30ml	1	104.000	104.000
57	Xi măng Glass Ionomer trám răng có cân quang	GC Gold label Universal Restorative	Hộp	Hộp 10g + 5,6ml	GC Gold label Universal Restorative	GC Corporation	Nhật Bản	GC Corporation-Nhật Bản	2023 trở về sau	240001559/PCBB-HCM	Xi măng Glass Ionomer trám răng có cân quang. Quy cách: (Hộp 10g + 5,6ml)	8	624.000	4.992.000
58	Xi măng Glass Ionomer trám răng có cân quang, tăng cường phóng thích Fluoride	GC Gold Label HS Posterior EXTRA	Hộp	Hộp/15g + 6,4ml	GC Gold Label HS Posterior EXTRA	GC Corporation	Nhật Bản	GC Corporation-Nhật Bản	2023 trở về sau	240001559/PCBB-HCM	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. Quy cách: (Hộp 15g + 6,4ml)	15	1.500.000	22.500.000
59	Vật liệu trám răng có thành phần hydroxide canxi cân quang và nhựa tương hợp sinh học	Vật liệu trám răng - Ultra Blend Plus	Tuýp	Tuýp 1,2ml	416-1	Ultradent Products Inc	Mỹ	Ultradent Products Inc-Mỹ	2023 trở về sau	230000563/PCBB-HCM	Chất che tùy chiều đèn. Thành phần chính: hydroxide canxi cân quang, có độ cứng cao và nhựa tương hợp sinh học. Quy cách: Tuýp 1,2ml	50	525.000	26.250.000



STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	DVT	Quy cách đóng gói	Chủng loại (Model/ ký mã hiệu)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lưu hành hoặc số GPNK	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
60	Keo dán nha khoa	Keo dán nha khoa (Mani Bond)	Lọ	Lọ	433898	MANI MEDICAL GERMANY GmbH	Đức	MANI MEDICAL GERMANY GmbH-Đức	2023 trở về sau	240000001/PCBB-TNg	Sử dụng trong phục hình trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Composite hoặc Ceramic. Sửa chữa các miếng trám composite bị nứt vỡ.	20	600.000	12.000.000
61	Hóa chất bơm rửa và điều trị tủy	Hyposol	Chai	Chai 500ml	Hyposol	Prevest Denpro Limited	Ấn Độ	Prevest Denpro Limited- Ấn Độ	2023 trở về sau	220001746/PCBB-HCM	Dùng để rửa và sát trùng tủy trong điều trị nội nha. Thành phần: natri hypochlorit, nước tinh khiết. Quy cách: Chai 500ml.	10	234.000	2.340.000
Tổng cộng: 61 khoản														1.657.470.000

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./.

